

Số: 971/QĐ-UBND

TP. Hưng Yên, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách và thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản công quý I năm 2023 của thành phố Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND thành phố về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số: 138/TTr-TCKH ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán và thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản công quý I năm 2023 của thành phố Hưng Yên, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách trên địa bàn:

- Dự toán giao: 1.305.400 triệu đồng, thực hiện quý I: 390.326 triệu đồng đạt 29,9% so với dự toán, trong đó:

- + Chi cục Thuế khu vực thành phố Hưng Yên - Kim Động: 233.071 triệu đồng.
- + Cục thuế tỉnh thu trên địa bàn thành phố: 157.255 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn thành phố hưởng: 145.157 triệu đồng.
- + Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%: 3.677 triệu đồng.
- + Từ các khoản thu phân chia: 141.480 triệu đồng.

2. Chi ngân sách thành phố:

Dự toán giao: 1.035.543 triệu đồng, thực hiện quý I: 183.781 triệu đồng đạt 17,75% so với dự toán, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 18.007 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 113.986 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 0 đồng.
- Tạm ứng xây dựng cơ bản năm 2022 chuyển sang: 51.788 triệu đồng.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh: 0 đồng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo quyết định này)


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng HĐND-UBND thành phố có trách nhiệm công khai quyết định này trên cổng thông tin điện tử của thành phố.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- Lưu VT, CVNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Quốc Hoàn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	603.505	394.062	65,30	132,93
I	Thu cân đối NSNN	603.505	145.157	24,05	162,83
1	Thu nội địa	603.505	145.157	24,05	162,83
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		248.905		120,07
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.035.543	183.781	17,75	62,79
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.014.943	183.781	18,11	62,79
1	Chi đầu tư phát triển	503.324	18.007	3,58	24,55
2	Chi thường xuyên	489.968	113.986	23,26	62,38
3	Dự phòng ngân sách	19.866	0	-	
4	Cấp lại tiền đất dôi dư cho phường	1.785		-	
5	Tạm ứng xây dựng cơ bản năm 2022 chuyển sang		51.788		73,96
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	20.600	0	-	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 971/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	THU NSNN	1.305.400	390.326	29,90	52,01
I	Thu nội địa	1.305.400	390.326	29,90	52,01
1	Chi cục Thuế khu vực thành phố Hưng Yên - Kim Động	1.245.000	233.071	18,72	45,25
1	Doanh nghiệp nhà nước trung ương		17		39,54
2	Doanh nghiệp nhà nước địa phương	1.000	732	73,22	136,81
3	Doanh nghiệp nhà nước		-		
4	Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	90.000	40.015	44,46	160,31
5	Thuế thu nhập cá nhân	26.000	9.190	35,35	97,28
6	Lệ phí trước bạ	65.000	16.435	25,28	102,75
8	Thu phí, lệ phí	32.300	9.623	29,79	84,86
9	Các khoản thu về nhà, đất	979.900	143.032	14,60	32,18
9.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.100	135	4,36	19,59
9.2	Thu tiền sử dụng đất	950.000	138.498	14,58	31,59
9.3	Thu tiền sử dụng đất đôi dư	2.800	558	19,94	14,89
9.4	Đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất		1.623		
9.5	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	24.000	2.218	9,24	135,02
10	Thu khác từ quỹ đất	1.300	114	8,80	41,65
11	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-		
12	Thu khác ngân sách	49.500	13.911	28,10	176,03
2	Cục thuế tỉnh thu trên địa bàn thành phố	60.400	157.255	260,36	66,80
2.1	Thuế VAT, thu nhập DN (TP 9%)	59.800	41.479	69,36	170,58
2.2	Lệ phí môn bài	400	739	184,82	105,28
2.3	Thuế tài nguyên	200	152	75,93	97,56
2.4	Cục thuế hưởng 100%		114.885		54,64
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	603.505	145.157	24,05	162,83
1	Từ các khoản thu phân chia	600.505	141.480	23,56	164,61
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	3.000	3.677	122,57	115,05

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 971/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.035.543	183.781	17,75	62,79
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.014.943	183.781	18,11	63,33
I	Chi đầu tư phát triển	503.324	18.007	3,58	24,55
1	Chi đầu tư cho các dự án	503.324	18.007	3,58	43,39
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	489.968	113.986	23,26	62,38
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	255.223	49.825	19,52	101,81
2	Chi văn hóa - thể thao - du lịch	6.356	1.589	25,01	136,20
3	Sự nghiệp Khoa học và công nghệ	120	0	0,00	
4	Sự nghiệp y tế	25.985	8.770	33,75	174,25
5	Chi bảo đảm xã hội	35.200	8.890	25,26	78,19
6	Chi bảo vệ môi trường	6.680	0		
7	Chi hoạt động kinh tế	118.669	30.371	25,59	125,80
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, tổ chức chính trị	34.298	12.263	35,75	103,65
9	Hỗ trợ hội đoàn thể	301	34	11,21	82,30
10	Chi khác	2.725	20	0,73	1,70
III	Dự phòng ngân sách	19.866		0,00	
IV	Cấp lại tiền đất dôi dư cho phường	1.785			
VII	Tạm ứng xây dựng cơ bản năm 2022 chuyển sang		51.788		100,76
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	20.600		0,00	

PHỤ LỤC CÔNG KHAI ĐẦU TƯ, MUA SẴM TÀI SẢN CÔNG QUÝ I/2023

(Kèm theo Quyết định số: 311/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo		1.598.882
-	Mầm non Lam Sơn	Sửa chữa, bảo dưỡng	498.479
-	Trung tâm GDNN - GDTX	Sửa chữa, bảo dưỡng	499.716
2	Sự nghiệp Văn hóa - Thể Thao - Du lịch và Truyền Thanh (Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh)		300.343
-		Sửa chữa thư viện thành phố	255.543
-		Mua âm ly phục vụ viếng đài Nguyễn Văn Linh và đài tưởng niệm anh hùng liệt sỹ	44.800
	TỔNG SỐ		1.899.225